

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 - VINACON

Địa chỉ: D9 - Khuất Duy Tiến - TXBắc - Thanh xuân - Hà nội

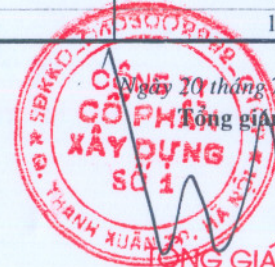
A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	31/03/09	30/06/09
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>441.028.359.215</b>	<b>388.517.764.727</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	32.984.558.935	31.594.239.337
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	235.649.321.028	172.618.188.185
4	Hàng tồn kho	170.593.984.444	182.004.603.156
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.800.494.808	2.300.734.049
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>49.507.050.537</b>	<b>49.435.097.560</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	31.911.999.419	31.072.616.505
	- TSCĐ hữu hình	9.291.857.882	8.806.980.334
	- TSCĐ thuê tài chính		
	- TSCĐ vô hình	4.468.750	3.250.000
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.615.672.787	22.262.386.171
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.497.000.000	16.919.033.753
5	Tài sản dài hạn khác	2.098.051.118	1.443.447.302
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>490.535.409.752</b>	<b>437.952.862.287</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>342.423.544.645</b>	<b>284.596.066.432</b>
1	Nợ ngắn hạn	339.647.581.659	280.350.103.446
2	Nợ dài hạn	2.775.962.986	4.245.962.986
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>148.111.965.107</b>	<b>153.356.795.855</b>
1	Vốn chủ sở hữu	143.268.316.311	149.266.951.859
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	74.000.000.000	74.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	32.364.960.000	32.364.960.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	32.919.113.035	32.819.113.035
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.984.243.276	10.082.878.824
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	4.843.648.796	4.089.843.996
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.843.648.796	4.089.843.996
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>490.535.509.752</b>	<b>437.952.862.287</b>

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ 2 NĂM 2009

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Nội dung	Quý 2/2009	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.283.763.717	188.292.746.359
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.283.763.717	188.292.746.359
4	Giá vốn hàng bán	89.894.338.434	175.589.177.734
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.389.425.283	12.703.568.625
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.675.799.908	6.744.187.582
7	Chi phí tài chính	367.593.460	1.180.782.741
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.276.743.406	5.539.558.695
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.420.888.325	12.727.414.771
11	Thu nhập khác	628.780.001	639.977.923
12	Chi phí khác	8.541.420	13.941.420
13	Lợi nhuận khác	620.238.581	626.036.503
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.041.126.906	13.353.451.274
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.942.491.358	3.270.572.450
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.098.635.548	10.082.878.824
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	824	1.363
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	15%	15%

Ngày 10 tháng 7 năm 2009  
 Tổng giám đốc  
  
 TÔNG GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Thạc Kim